

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TẬN BẮC
TỈNH BÌNH TẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18/3/2022

“V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TẬN BẮC,
TỈNH BÌNH TẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Minh

2. Ông Nguyễn Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh Bình Tận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh Bình Tận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh Bình Tận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 422/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2021 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Tận.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Tận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/12/2021 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Tôi và anh Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống với nhau từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Phú, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh Bình Tận ngày 24/4/2000. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn thì chúng tôi sống tại nhà riêng ở thôn Phú Lập, xã Hàm Phú, huyện Hàm Tận Bắc, tỉnh Bình Tận. Trong quá trình chung sống năm 2001 chúng tôi phát sinh mâu Tẫn do bất đồng quan điểm, xung đột lẫn nhau, thường xuyên cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là anh Nguyễn Duy T không lo làm ăn, suốt ngày ăn nhậu, cờ bạc, cá độ. Một mình bản thân

tôi phải lo cho kinh tế gia đình và lo cho các con. Ngoài ra anh Nguyễn Duy T còn chửi mắng, nhục mạ, đánh đập tôi rất nhiều lần và hăm dọa giết tôi. Tôi đã nhiều lần làm đơn ly hôn với anh Nguyễn Duy T nhưng anh T năn nỉ tôi rút đơn, hứa sẽ thay đổi nên tôi rút đơn về, ngày 30/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân Bắc đình chỉ vụ án. Nhưng sau đó thì anh Nguyễn Duy T không thay đổi, vẫn tính nào tật đó. Khoảng 19 giờ ngày 10/02/2022, bạn của anh Nguyễn Duy T được anh Nguyễn Duy T gọi đến chơi, nhưng anh T ở nhà cha mẹ anh T chưa về, bạn của anh T qua nói chuyện với tôi được một lúc thì anh T chạy về, đánh tôi, đập vào bụng tôi, chửi tôi thậm tệ, tôi có gọi báo cho Công an xã Hàm Phú và được Công an xã Hàm Phú giải quyết. Hiện nay tôi không thể chịu đựng được người chồng vũ phu, suốt ngày đánh đập tôi. Tôi đã bỏ nhà đi được khoảng 08 tháng nay. Từ khi tôi đi đến nay, chúng tôi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống.

Trong quá trình chung sống thì chúng tôi có 04 con chung tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/4/2001, Nguyễn Duy T2, sinh ngày 22/4/1999, Nguyễn Duy L, sinh ngày 05/8/2003 và Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011. Hiện nay Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/4/2001, Nguyễn Duy T2, sinh ngày 22/4/1999, Nguyễn Duy L, sinh ngày 05/8/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn con Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011 hiện nay đang ở với tôi. Nay xét thấy tình cảm không còn nữa, tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Tôi yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Về con chung: Tôi yêu cầu được quyền nuôi con tên Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng 03 con tên Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/4/2001, Nguyễn Duy T2, sinh ngày 22/4/1999 và Nguyễn Duy L, sinh ngày 05/8/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Duy T vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 11/02/2022 trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung thì anh xác nhận đúng như chị Trần Thị D trình bày. Về mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống thì anh thừa nhận tôi có đánh đập vợ Trần Thị D, chửi bới, xúc phạm và hăm dọa vợ nhiều lần. Nguyên nhân là vì vợ có mối quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài. Anh có bắt gặp ngoài đường vợ và người đàn ông khác bên ngoài rất nhiều lần. Anh năn nỉ vợ rất nhiều lần, quay về hàn gắn tình cảm vợ chồng, chăm lo cho gia đình, con cái, anh còn thương vợ con rất nhiều, mong vợ suy nghĩ lại. Vợ là người có mối quan hệ bên ngoài với nhiều người đàn ông, anh cũng đã nhiều lần tha thứ, thương yêu vợ và con nhiều nên anh để lại cho vợ và con nhà cửa, đất đai để ở, anh về nhà cha mẹ ruột của anh ở nhưng với điều kiện không được đưa người đàn ông khác về.

Theo yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con của chị Trần Thị D thì anh có ý kiến như sau: Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị D. Do còn thương vợ thương con, không đồng ý ly hôn nên những vấn đề khác anh không đề cập đến. Ngoài ra không còn trình bày gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D đối với anh Nguyễn Duy T. Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Duy T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa Tân với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không tự thỏa Tân được với nhau. Các đương sự đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L1 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2022 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”, qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã Hàm Phú, huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh Bình Tân nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân Bắc có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của chị Trần Thị D thì chị và anh Nguyễn Duy T sống chung vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Phú nên là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân xảy ra mâu Tăn do anh Nguyễn Duy T không lo làm ăn, suốt ngày ăn nhậu, cờ bạc, cá độ. Một mình bản thân chị D phải lo cho kinh tế gia đình và lo cho các con. Ngoài ra anh Nguyễn Duy T còn chửi mắng, nhục mạ, đánh đập chị D rất nhiều lần và hăm dọa giết chị, chị đã nhiều lần làm đơn ly hôn với anh Nguyễn Duy T nhưng anh T năn nỉ chị rút đơn, hứa sẽ thay đổi nên tôi rút đơn về nhưng sau đó thì anh Nguyễn Duy T không thay đổi, tính nào tăt đó. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình trạng hôn nhân của chị D và anh Nguyễn Duy T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Trần Thị D.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị D khai phù hợp các tài liệu có tại hồ sơ là vợ chồng có 04 con tên: Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/4/2001, Nguyễn Duy T2, sinh ngày

22/4/1999, Nguyễn Duy L, sinh ngày 05/8/2003 và Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011. Hiện nay Nguyễn Duy T1, sinh ngày 26/4/2001, Nguyễn Duy T2, sinh ngày 22/4/1999, Nguyễn Duy L, sinh ngày 05/8/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Còn con Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011 hiện nay đang ở với chị, khi ly hôn chị xin được nuôi con tên Nguyễn Duy L1 không yêu cầu anh T cấp dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản và nợ: Không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị D là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Duy T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D đối với anh Nguyễn Duy T. Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao con tên Nguyễn Duy L1, sinh ngày 06/5/2011 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Duy T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về án phí, lệ phí: Chị Trần Thị D là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị Trần Thị D đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005793 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân Bắc, tỉnh Bình Tân nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Duy T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Duy T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Tân;
- VKSND huyện Hàm Tân Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân Bắc;
- Nơi đăng ký kết hôn UBND xã Hàm Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Ung Thanh Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang